TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Tuấn Thịnh;
2. Ông Lương Văn Hưng.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H T T sinh năm 1986.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C H, xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh H T T sinh năm 1978.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C H, xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị H T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H T T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 3 năm 2005 tại UBND xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải hoà nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn, anh T thường xuyên đuổi chị ra khỏi nhà, những lần anh T đuổi chị đều sang nhà bố mẹ đẻ chị ở có lần một tháng và lần ít nhất là một tuần, sau những lần đó chồng chị có xin lỗi và hứa không tái phạm nhưng khi chị trở về nhà vẫn không thay đổi mà gần đây nhất ngày 04 tháng 4 năm 2022 anh T đuổi chị và các con sang nhà bố mẹ đẻ tại

Thôn C H, xã X G, huyện B ở. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn hạnh phúc, hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T có hai con chung là các cháu H T P U sinh ngày 27/10/2006 và cháu H T B sinh ngày 05/01/2009 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay vợ chồng sống ly thân hai cháu đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H T P U, để anh Tuấn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H T B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng chị tự thoả thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn và về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Do mâu thuẫn vợ chồng mà từ tháng 4/2022 cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân hẳn và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh thì anh nhận thấy tình cảm vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng xin chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung, các cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường họ và tên, ngày tháng năm sinh như chị T trình bày là đúng, hiện nay vợ chồng sống ly thân hai cháu đang trực tiếp ở cùng anh, trường hợp mà toà án giải quyết ly hôn thì về con đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của luật hôn nhân gia đình để giải quyết. Cả anh và chị T đều có việc làm và thu nhập của mỗi người được khoảng 5.000.000 đồng/ 1 tháng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng anh tự thoả thuận với nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị T kiện ly hôn anh T, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn C H, xã X G, huyện B do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án mở phiên toà lần 1 vào ngày 24/8/2022 nhưng bị đơn là anh T vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự toà án hoãn phiên toà, ấn định thời gian, mở lại phiên toà vào ngày 09/9/2022. Tại phiên toà này anh T vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T có Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/03/2005 tại UBND xã X G, huyện B; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị T kiện ly hôn anh T, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, sự việc đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng, anh T thường xuyên đuổi chị T ra khỏi nhà, những lần đó chị đều sang nhà bố mẹ đẻ chị ở, có lần một tháng và ít nhất là một tuần, sau những lần đó anh T có xin lỗi và hứa không tái phạm nhưng vẫn chứng nào tật đấy, gần đây nhấy là ngày 04 tháng 4 năm 2022 anh T tiếp tục đuổi chị ra khỏi nhà, điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị không khắc phục được, vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn nên anh T tiếp tục đuổi chị ra khỏi nhà, cũng từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân hẳn và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy việc chị T kiện ly hôn với anh Tuấn là có căn cứ. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H T T được ly hôn với anh H T T.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Chị T và anh T đều thừa nhận có 02 con chung là cháu H T P U sinh ngày 27/10/2006 và cháu H T B sinh ngày 05/01/2009 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay anh chị sống ly thân hai cháu đang trực tiếp ở với anh T, khi ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Còn trong trường hợp ly hôn thì anh T đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Hiện chị T làm nghề trồng trọt, phụ bếp cho nhà hàng, anh Tuấn làm nghề thợ xây thu nhập bình quân của mỗi người được khoảng 5.000.000 đồng/ tháng; xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, cháu U nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ, cháu B có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng bố. Vì những căn cứ trên nên xử giao cháu H T P U cho chị H T T, giao cháu H T B cho anh H T T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng và đều có việc làm có thu nhập, việc không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn vẫn đảm bảo sự phát triển tốt của cả hai cháu. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị H T T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị H T T được ly hôn với anh H T T.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Giao cháu H T P U sinh ngày 27/10/2006 cho chị H T T, giao cháu H T B sinh ngày 05/01/2009 cho anh H T T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khicháu U và cháu B đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị H T T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002941 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị H T T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã X G, H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng